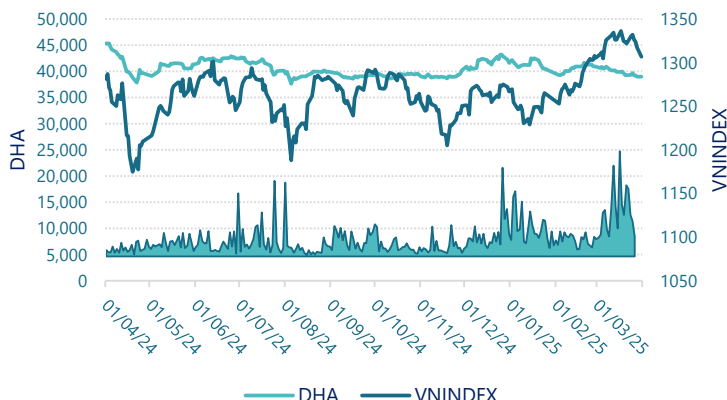


CTCP Hóa An (HSX: DHA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	39,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,354
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,624
SL cổ phiếu LH	14,726,073
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,540
% sở hữu nước ngoài	10.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	574
P/E	8.5
EPS	4,570

DT thuần

Q1/25

75.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 7.1%

YoY: ▼ 6.00 | -7.3%

LN sau thuế

Q1/25

24.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.7 | 215%

YoY: ▲ 15.6 | 178%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

23.0%

+/- YoY: ▼ 6.2%

DT thuần

2024

296

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 79.0 | -21.1%

LN sau thuế

2024

51.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 35.4 | -40.6%

ROE

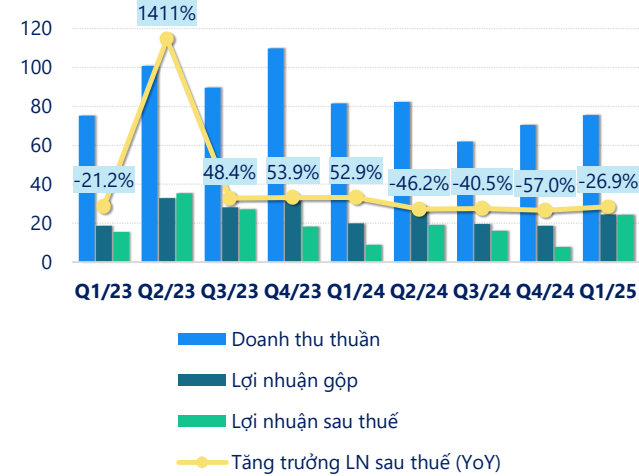
2024

12.3%

+/- YoY: ▼ 8.1%

tỷ VNĐ

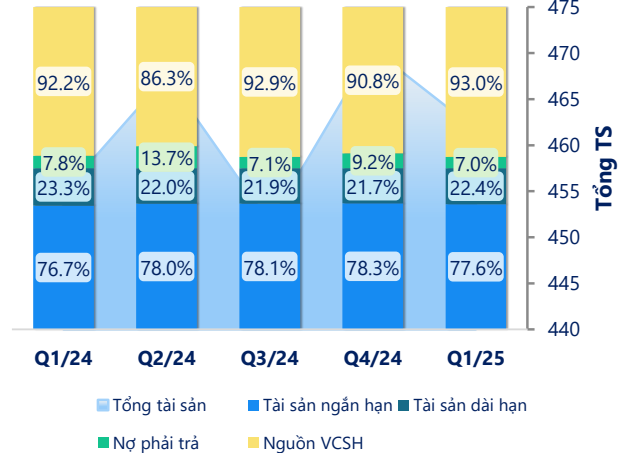
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

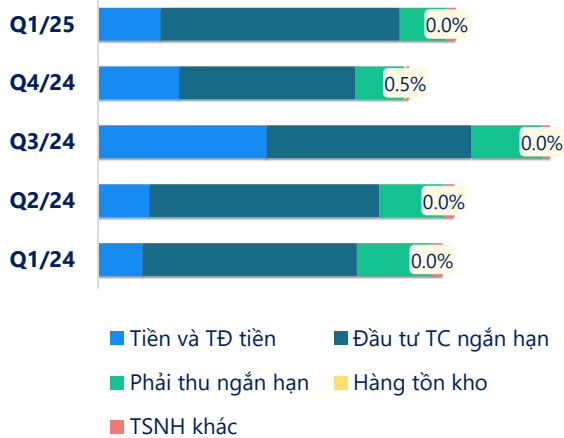
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



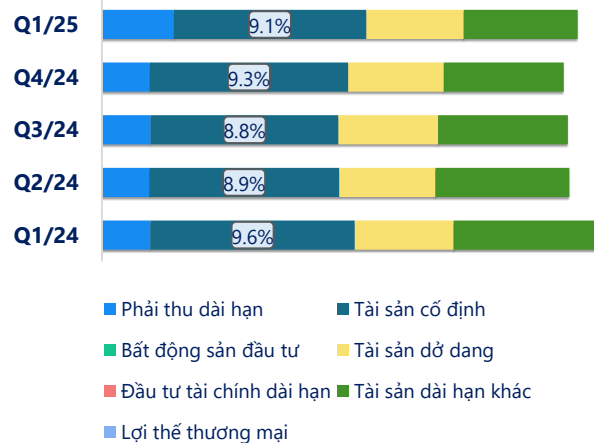
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

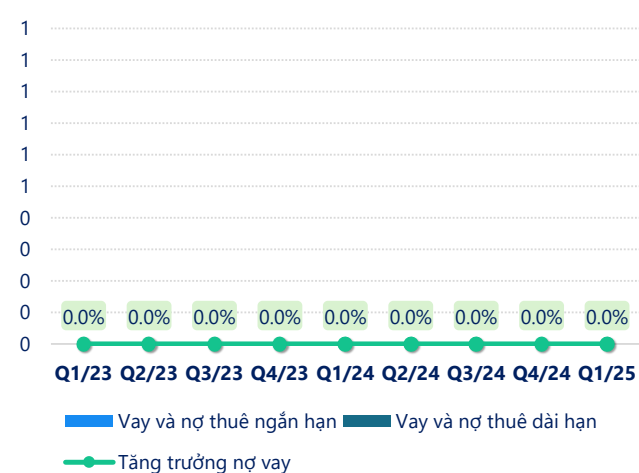
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

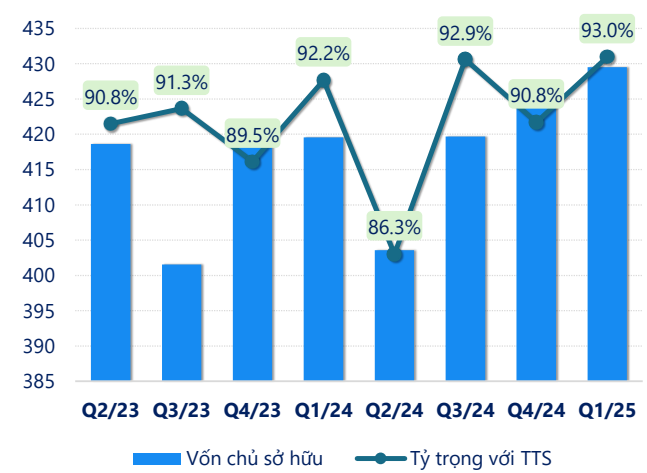
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

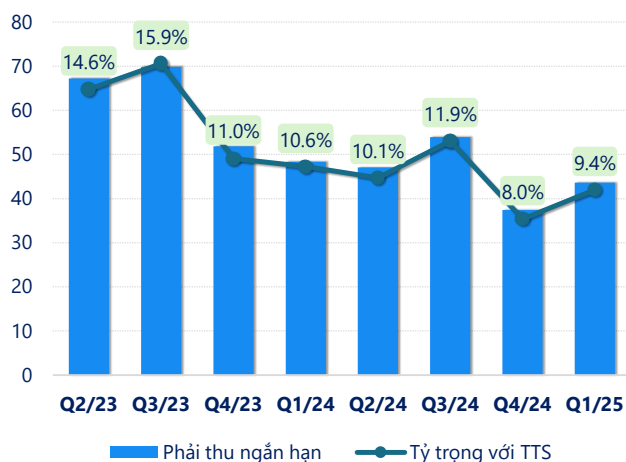
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



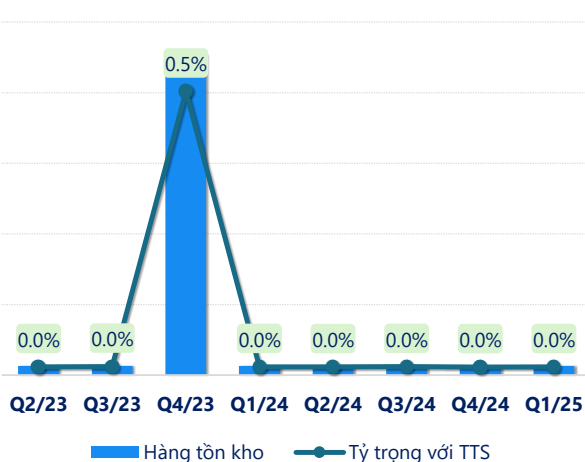
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


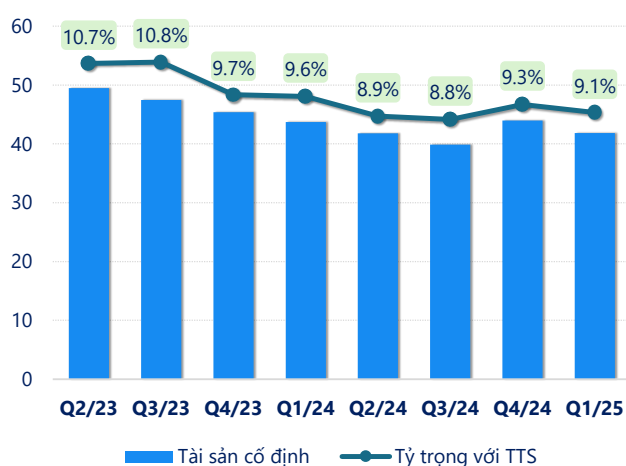
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


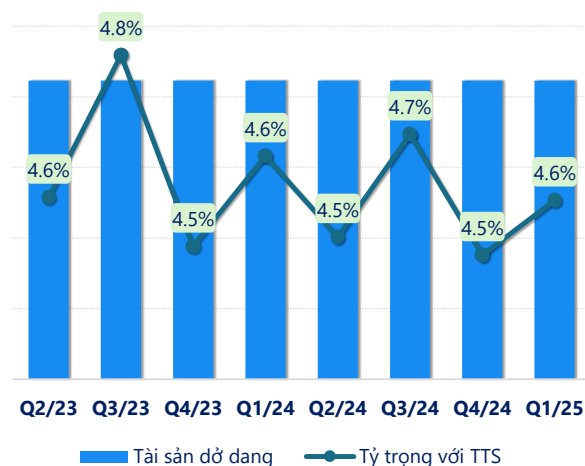
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

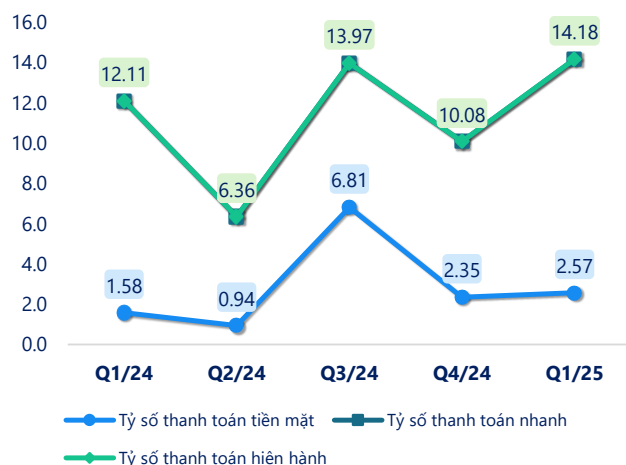
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

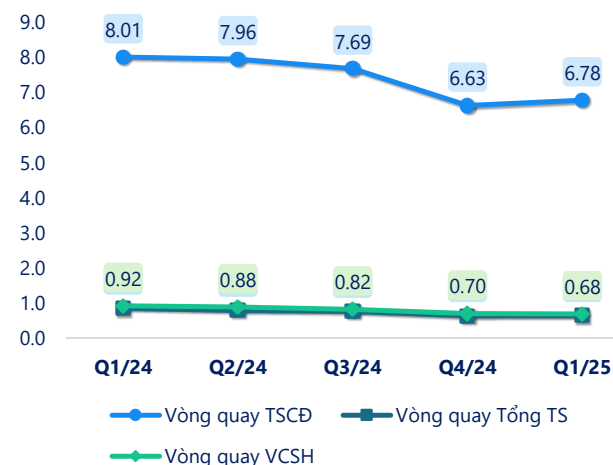
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	455	468	452	470	462
Tài sản ngắn hạn	349	365	353	368	358
Tiền và tương đương tiền	45.7	54.0	172	86.0	65.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	246	255	119	240	245
Phải thu ngắn hạn	48.3	47.0	53.9	37.4	43.6
Hàng tồn kho	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản ngắn hạn khác	9.39	8.65	7.47	4.54	4.47
Tài sản dài hạn	106	103	98.9	102	103
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	10.3	10.5	15.5
Tài sản cố định	43.7	41.8	39.9	43.9	41.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.1	21.1	21.1	21.1	21.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	30.5	29.4	27.5	26.5	24.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	35.3	63.9	31.9	43.2	32.2
Nợ ngắn hạn	28.8	57.4	25.2	36.5	25.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	9.75	6.71	4.78	7.35	8.57
Nợ dài hạn	6.47	6.56	6.62	6.72	6.91
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	420	404	420	427	429
Vốn chủ sở hữu	420	404	420	427	429
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)